TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày:13/6/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Lương Trung Đức và bà Hà Thị Kim Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên toà: Ông Lưu Thượng Thống- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 80/2024/TB-TA ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Đình C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Bùi Thị M trình bày: Chị và anh Chung kết h trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 07/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn N, xã N. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đam mê, mải chơi chim cảnh có khi đi qua đêm không chăm lo cho gia đình, chị M có nói thì anh C đã đánh chị, từ 09/2/2023 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã khuyên bảo hòa giải nhưng anh C

không thay đổi vẫn mải chơi ngày đêm. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung: Chị M và anh C có 02 con chung là Hoàng Thảo V, sinh ngày 27/3/2017 và Hoàng Phương A, sinh ngày 31/7/2019 các con đang ở với anh C, chị đã nhiều lần về đón hai con nhưng anh C thường cấm cản chị không được đón, thời gian vợ chồng sống ly thân chị vẫn thường xuyên chăm lo, đóng tiền học và lo ăn uống cho các cháu. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai anh Hoàng Đình C trình bày: Anh và chị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 07/9/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại Thôn N, xã N. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C đam mê chơi chim cảnh, ít quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, từ tháng 2/2023 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị M xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Hoàng Thảo V, sinh ngày 27/3/2017, Hoàng Phương A, sinh ngày 31/7/2019, ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi cả hai con hoặc để chị M nuôi cả hai con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh C không ký vào biên bản đã được lập.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Hoàng Thảo V đủ 07 tuổi, cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ là Bùi Thị M.

Tại biên bản xác minh với trưởng Thôn Nghĩa H, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị Bùi Thị M và anh Hoàng Đình C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, sau kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chị M, anh C sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C mải chơi chim cảnh dẫn tới vợ chồng cãi cọ, chị M đã mời chính quyền thôn đến để hòa giải nhưng không cải thiện được, anh C vẫn có đam mê chơi chim cảnh không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 2/2023 do không chịu đựng được nên chị M đã về nhà bố mẹ đẻ cách nhà vợ chồng anh chị khoảng 3km để ở, tuy nhiên chị M vẫn qua lại chăm lo chi phí học hành, ăn ở của hai con chung, nay chị M, anh C đang sống ly thân. Anh C phản ánh lại để tự chị M giải quyết ly hôn anh sẽ không lên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M: Xử cho chị M được ly hôn với anh C; Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Hoàng Thảo V,

sinh ngày 27/3/2017 và Hoàng Phương A, sinh ngày 31/7/2019. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Hoàng Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Do đó, vụ án do Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên toà bị đơn anh Hoàng Đình C vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Bùi Thị M vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Bùi Thị M và anh Hoàng Đình C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Hoàng Đ Chung kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị M và anh C đều trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân là do anh C đam mê chơi chim cảnh, dẫn với vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã, xô xát với nhau. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, anh C đồng ý ly hôn nhưng không ký xác nhận vào biên bản ghi ý kiến của mình. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là do anh C đam mê chơi chim cảnh, không quan tâm đến vợ con, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không cải thiện được, từ tháng 2/2023 cho đến nay chị M và anh C đã sống ly thân. Hội đồng xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị M và anh C có 02 con chung là Hoàng Thảo V, sinh ngày 27/3/2017 và Hoàng Phương A, sinh ngày 31/7/2019. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được cả hai con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị M giao nộp đơn đề nghị có xác nhận của UBND xã N với nội dung

xác nhận về việc chị M có thu nhập với mức thu nhập 6.000.000 đồng/ tháng; con chung đủ 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ; quá trình giải quyết vụ án anh C không thể hiện rõ ràng, đầy đủ ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nguyện vọng của mình. Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo việc chăm lo, giáo dục con trẻ phát lành mạnh về thể chất, trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao cả hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị M không yêu cầu nên không buộc anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Hoàng Đình C.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Hoàng Thảo V, sinh ngày 27/3/2017 và Hoàng Phương A, sinh ngày 31/7/2019. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0000628 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Chị Bùi Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Bùi Thị M và anh Hoàng Đình C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Nghĩa Tâm;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hoa Quỳnh